

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành phần Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ và tên

Chức danh

Ông Đoàn Thành Đạt

Chủ tịch

Ông Nguyễn Quốc Tín

Phó Chủ tịch

(Bổ nhiệm ngày 09/04/2013)

Ông Trần Hoàng Huân

Thành viên

Ông Phan Văn Nghiệp

Thành viên

Ông Lê Phú Cự

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên

Chức danh

Ông Trần Hoàng Huân

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo

Phó Tổng Giám đốc

(Miễn nhiệm ngày 01/02/2014)

Ông Vũ Huy Giáp

Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 01/02/2014)

Ông Nguyễn Hữu Hiệp

Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 01/02/2014)

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Các hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 03 năm 2014, hoạt động của Công ty là:

- Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Kinh doanh cát san lấp;
- Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi;
- Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 05 đến trang 40.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 03/03/2014, theo đó Vốn điều lệ tăng từ 80 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Ngày 20/02/2014, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM đã có quyết định số 49/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (mã CK: THG) được thay đổi niên yết, có hiệu lực từ ngày 24/02/2014 với tổng giá trị niên yết từ 80 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng sau khi thay đổi niên yết (theo mệnh giá). Đây là số cổ phiếu phát hành để thưởng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23/04/2013 và theo Thông báo số 917/2013/TB-SGDHCM ngày 31/10/2013 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM.

6. Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty.

7. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các qui định hiện hành có liên quan.

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Tiền Giang, ngày 26 tháng 03 năm 2014

TM. Hội đồng Quản trị

Phó Chủ tịch



NGUYỄN QUỐC TÍN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2014, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại V.3 Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đến ngày 31/12/2013 là 67.748.305.848 đồng, trong đó, Công trình Cố Định Trung là 1.800.000.000 đồng; Công trình Ô Môn – Xà No gói số 10 là 500.000.000 đồng; Công trình Ô Môn – Xà No gói số 15 là 300.000.000 đồng; Công trình Cố Tân Quy là 700.000.000 đồng và chi phí sửa chữa do hư hỏng trong các hạng mục đã thi công của Công trình Kè Cồn Trứng là 2.568.158.418 đồng, tổng cộng là 5.868.158.418 đồng. Tuy nhiên, trong thực tế, các công trình nêu trên không có phát sinh khối lượng dở dang chưa nghiệm thu tính đến 31/12/2013 (Doanh thu chưa thực hiện), do vậy, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình này sẽ không có Doanh thu tương ứng thực hiện trong năm 2014. Các số liệu nêu trên cho thấy, nếu phản ánh vào giá vốn hàng bán trong năm 2013 thì khoản mục “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm đi là 5.868.158.418 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” sẽ tăng lên 5.868.158.418 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận kế toán trước thuế” sẽ giảm đi tương ứng là 5.868.158.418 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

KT.Giám đốc
Phó Giám đốc

ĐINH TÂN TƯỜNG
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0175-2013-107-1

Kiểm toán viên

PHẠM ĐÔNG SƠN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 1052-2013-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC,
 Bổ sung theo TT 244/2009/TT-BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		242.193.967.753	275.041.976.737
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(V.1)	28.186.787.314	41.045.436.515
1. Tiền	111		14.275.132.331	24.859.991.854
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.911.654.983	16.185.444.661
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(V.2)	120.223.959.769	119.031.484.757
1. Phải thu khách hàng	131		123.925.364.823	119.454.120.067
2. Trả trước cho người bán	132		7.955.460.160	8.028.159.920
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		3.569.137.059	3.793.373.879
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(15.226.002.273)	(12.244.169.109)
IV. Hàng tồn kho	140	(V.3)	87.715.230.635	109.589.271.891
1. Hàng tồn kho	141		87.715.230.635	109.589.271.891
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.067.990.035	5.375.783.574
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.473.223	507.961.173
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	148.670.100
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.040.680	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(V.4)	6.029.476.132	4.719.152.301

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.801.685.278	124.057.624.418
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		107.035.377.489	112.186.729.674
1. TSCĐ hữu hình	221	(V.5)	99.008.324.913	102.037.035.947
- Nguyên giá	222		225.542.969.483	192.960.697.631
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(126.534.644.570)	(90.923.661.684)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	(V.6)	-	6.337.360.824
- Nguyên giá	225		-	28.518.123.713
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(22.180.762.889)
3. TSCĐ vô hình	227	(V.7)	2.490.687.252	2.196.923.244
- Nguyên giá	228		2.821.818.560	2.471.554.760
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(331.131.308)	(274.631.516)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(V.8)	5.536.365.324	1.615.409.659
III. Bất động sản đầu tư	240	(V.9)	802.108.000	802.108.000
1. Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
2. Hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		305.947.098	289.436.597
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	(V.10)	305.947.098	289.436.597
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.658.252.691	10.779.350.147
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.266.345.629	1.778.431.499
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	(V.11)	6.772.887.674	6.933.151.693
3. Tài sản dài hạn khác	268	(V.12)	619.019.388	2.067.766.955
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		361.995.653.031	399.099.601.155

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		202.560.065.793	239.701.076.079
I. Nợ ngắn hạn	310		184.903.663.890	203.804.634.636
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(V.13)	42.767.336.083	52.171.543.546
2. Phải trả cho người bán	312		50.783.605.387	45.674.526.922
3. Người mua trả tiền trước	313	(V.14)	27.116.492.130	29.280.648.504
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(V.15)	8.180.343.503	10.428.504.541
5. Phải trả người lao động	315		6.411.672.841	6.093.295.426
6. Chi phí phải trả	316	(V.16)	39.554.151.717	47.728.461.376
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(V.17)	5.061.497.099	6.358.313.596
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	(V.18)	2.425.455.859	2.648.865.445
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(V.19)	2.603.109.271	3.420.475.280
II. Nợ dài hạn	330		17.656.401.903	35.896.441.443
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(V.20)	17.656.401.903	35.896.441.443
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.017.128.200	153.995.408.695
I. Vốn chủ sở hữu	410	(V.21)	154.017.128.200	153.995.408.695
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		41.121.469.772	37.065.900.538
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.211.807.781	6.375.920.230
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.983.850.647	19.853.587.927
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	(V.22)	5.418.459.038	5.403.116.381
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		361.995.653.031	399.099.601.155

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
USD		420,67	408,75
EUR		3.398,20	3.394,79
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tiền Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG

NGUYỄN HOÀNG SƠN

TRẦN HOÀNG HUÂN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(VI.1)	432.628.696.073	489.478.104.300
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(VI.1)	383.436.369	664.127.323
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(VI.1)	432.245.259.704	488.813.976.977
4.	Giá vốn hàng bán	11	(VI.2)	351.439.076.002	388.289.265.754
5.	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.806.183.702	100.524.711.223
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	(VI.3)	1.296.402.044	995.014.887
7.	Chi phí tài chính	22	(VI.4)	6.955.966.230	11.440.360.691
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.717.471.049</i>	<i>11.440.360.691</i>
8.	Chi phí bán hàng	24	(VI.5)	33.093.214.948	37.810.869.389
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(VI.6)	28.283.166.084	32.956.752.584
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.770.238.484	19.311.743.446
11.	Thu nhập khác	31	(VI.7)	7.184.753.981	8.702.755.288
12.	Chi phí khác	32	(VI.8)	4.361.923.283	3.475.516.575
13.	Lợi nhuận khác	40		2.822.830.698	5.227.238.713
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên danh	45		16.510.501	29.436.597
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.609.579.683	24.568.418.756
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.819.011.043	6.337.888.164
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(VI.9)	160.264.019	(431.728.670)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.630.304.621	18.662.259.262
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		148.696.161	57.307.680
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		13.481.608.460	18.604.951.582
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	(VI.10)	1.685	2.326

Tiền Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


LÊ MỸ PHƯỢNG

NGUYỄN HOÀNG SƠN

TRẦN HOÀNG HUÂN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	MS	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	16.609.579.683	24.568.418.756
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	19.050.594.642	18.682.022.999
Các khoản dự phòng	03	4.125.618.599	7.996.778.023
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(5.214.240)	-
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(1.892.303.833)	(3.901.743.178)
Chi phí lãi vay	06	6.717.471.049	11.440.360.691
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	44.605.745.900	58.785.837.291
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.117.557.430)	(25.177.057.757)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	19.887.892.207	63.741.984.726
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(9.726.116.752)	(11.148.017.149)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(2.052.723.202)	682.232.115
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.037.745.249)	(11.550.112.229)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.206.288.536)	(4.352.935.435)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.157.766.955	754.051.751
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.914.410.972)	(5.028.627.631)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.596.562.921	66.707.355.682
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.093.144.781)	(2.819.460.862)
Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	894.627.272	4.595.758.550
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.382.338.150	985.414.317
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.816.179.359)	2.761.712.005
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	240.860.113.007	296.919.607.971
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(267.364.160.010)	(327.976.164.624)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.140.200.000)	(1.925.600.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.000.000.000)	(13.644.677.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(39.644.247.003)	(46.626.833.653)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.863.863.441)	22.842.234.034
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	41.045.436.515	18.203.202.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.214.240	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	28.186.787.314	41.045.436.515

Tiền Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG

NGUYỄN HOÀNG SON

TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 03 năm 2014.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2013: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính: 90 Đình Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty mẹ có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa, Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng TICCO có trụ sở đặt tại 90 Đình Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại 166 đường Ấp Bắc, phường 4, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công ty mẹ có 3 công ty con và 1 công ty liên kết như trình bày ở dưới đây.

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng TICCO (gọi tắt là “Xây dựng TICCO”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 1200683404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 04 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Xây dựng TICCO là 100%.

Công ty TNHH Một thành viên Bê tông TICCO (gọi tắt là “Bê tông TICCO”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 5322100003 ngày 26 tháng 03 năm 2007 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Tiền Giang cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200656249 (số cũ 5304000013) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 07 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Bê tông TICCO là 100%.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang (gọi tắt là “TICCO An Giang”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5203000091 đăng ký lần đầu ngày 15/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06/09/2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 1600943512 đăng ký lại lần 1 ngày 28/04/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/08/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại TICCO An Giang là 75,42%.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần TESTCO (gọi tắt là “TESTCO”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

ngày 30/11/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26/05/2008. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại TESTCO là 20%.

2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, công, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Kinh doanh cát san lấp;
- Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Không có chuẩn mực kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con và công ty liên kết tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

6. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu tương ứng với quyền biểu quyết và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn thể hiện khoản dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

7. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

8. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

9. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

11. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc

5 – 25 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Máy móc thiết bị	5 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

12. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng (QSD) đất	Thời gian khấu hao
QSD 600 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Không khấu hao (QSD đất lâu dài)
QSD 1.429,90 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Không khấu hao (QSD đất lâu dài)
QSD 8.436,20 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	440 tháng (từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 3 năm 2047)

13. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty.

Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích ước tính của nó.

14. Bất động sản đầu tư

Bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty, được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung- Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m²

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

16. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

18. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

19. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

nghĩa vụ nợ; và

- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

20. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Ghi nhận cổ tức

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Trích lập các quỹ

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt phù hợp với Điều lệ của Công ty.

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư đường Trương Định nói dài được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết, công chứng đồng thời hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

23. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng, Khu dân cư đường Trương Định nổi dài và Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng

Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng

Giá vốn 1m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng được xác định theo giá trị đầu tư thực tế đến 30/9/2013 (theo báo cáo tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành ngày 27/9/2013) của toàn bộ công trình chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Long Thạnh Hưng, chi tiết như sau:

Tổng giá trị đầu tư thực tế của Công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng đến thời điểm 30/9/2013 là 88.282.226.870 đồng.

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong năm 2013 là 989,80 m².

Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Trương Định nổi dài

Giá vốn 1m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư đường Trương Định nổi dài được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính đến 31/12/2013 của toàn bộ công trình chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư đường Trương Định nổi dài, chi tiết như sau:

Tổng giá trị đầu tư ước tính của Công trình Khu dân cư đường Trương Định nổi dài dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính đến thời điểm 31/12/2013 là 148.052.112.407 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 31/12/2013 là 110.186.963.649 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 70.967,52 m²

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong năm 2013 là 7.494,30 m².

Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng

Giá vốn 1m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính đến 31/12/2013 của toàn bộ công trình chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, chi tiết như sau:

Tổng giá trị đầu tư ước tính của Công trình Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính đến thời điểm 31/12/2013 là 3.500.000.000 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 31/12/2013 là 1.033.217.269 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 4.360,00 m²

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong năm 2013 là 1.578,30 m².

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	14.275.132.331	24.859.991.854
Tiền mặt tại quỹ	526.374.699	304.051.812
Tiền gửi ngân hàng	13.748.757.632	24.555.940.042
Các khoản tương đương tiền	13.911.654.983	16.185.444.661
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	13.911.654.983	16.185.444.661
Cộng	28.186.787.314	41.045.436.515

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	123.925.364.823 (2.1)	119.454.120.067
Trả trước cho người bán	7.955.460.160 (2.2)	8.028.159.920
Các khoản phải thu khác	3.569.137.059 (2.3)	3.793.373.879
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(15.226.002.273) (2.4)	(12.244.169.109)
Cộng	120.223.959.769	119.031.484.757

(2.1) Bao gồm phải thu các khách hàng sau:

Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	17.509.353.881
Phải thu khách hàng thi công công trình, bán bê tông và vật liệu xây dựng	106.416.010.942
Cộng	123.925.364.823

(2.2) Bao gồm trả trước cho các nhà cung cấp sau:

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty Sagel	115.496.500
TT phát triển Quỹ đất TP.Mỹ Tho	400.000.000
BBT Hỗ trợ & TĐC TX Gò Công	865.851.054
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Cà Mau	1.284.692.073
Công ty Cổ phần Xây dựng 43	4.443.000.000
Các nhà cung cấp khác	846.420.533
Cộng	7.955.460.160

(2.3) Bao gồm các khoản phải thu khác sau:

Sở Tài Chính An Giang	416.416.000
Tiền lương chi vượt	384.794.367
Cổ tức cổ đông	2.399.972.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	131.611.268
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	96.420.796
Phải thu bảo hiểm	29.454.733
Các khoản phải thu khác	110.467.895
Cộng	3.569.137.059

(2.4) Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập theo các tỷ lệ:

Tuổi nợ	Số dư ngày 31/12/2013	Tỷ lệ trích lập	Mức dự phòng đã trích lập
Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	175.782.687	30%	52.734.806
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.769.448.320	50%	2.105.964.409
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	9.237.963.569	70%	6.466.574.498
Quá hạn trên 3 năm	6.600.728.560	100%	6.600.728.560
Cộng	21.783.923.136		15.226.002.273

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc của hàng tồn kho		
Nguyên vật liệu	9.227.876.299	7.781.789.748
Công cụ, dụng cụ	916.458.355	3.202.065.865
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	67.748.305.848	86.520.378.897
Thành phẩm	8.054.139.014	11.175.197.679
Hàng hóa	1.768.451.119	909.839.702
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	87.715.230.635	109.589.271.891
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	87.715.230.635	109.589.271.891

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
--	--------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thiếu chờ xử lý	41.000.000	41.000.000
Tạm ứng	5.988.476.132	4.588.152.301
Ký quỹ ngắn hạn	-	90.000.000
Cộng	6.029.476.132	4.719.152.301

5. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	29.703.038.084	118.067.597.905	42.918.631.602	1.838.485.047	432.944.993	192.960.697.631
Mua sắm trong năm	-	28.873.775.235	-	-	-	28.873.775.235
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.908.188.939	3.810.371.052	-	237.513.732	44.288.671	10.000.362.394
Thanh lý, nhượng bán	206.548.894	2.787.047.266	2.620.690.607	677.579.010	-	6.291.865.777
Số cuối năm	35.404.678.129	147.964.696.926	40.297.940.995	1.398.419.769	477.233.664	225.542.969.483
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	6.783.495.822	60.886.030.919	22.338.553.082	885.794.283	29.787.578	90.923.661.684
Khấu hao trong năm	2.011.339.810	35.170.809.702	3.699.074.840	238.751.090	54.882.297	41.174.857.739
Thanh lý, nhượng bán	61.836.894	2.516.497.640	2.592.404.607	393.135.712	-	5.563.874.853
Số cuối năm	8.732.998.738	93.540.342.981	23.445.223.315	731.409.661	84.669.875	126.534.644.570
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	22.919.542.262	57.181.566.986	20.580.078.520	952.690.764	403.157.415	102.037.035.947
Số cuối năm	26.671.679.391	54.424.353.945	16.852.717.680	667.010.108	392.563.789	99.008.324.913

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	28.518.123.713	-	28.518.123.713	-
Giá trị hao mòn lũy kế	22.180.762.889	2.095.185.136	24.275.948.025	-
Giá trị còn lại	6.337.360.824			-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
QSD 600 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	141.973.964	-	-	141.973.964
QSD 1.429,90 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	239.088.574	-	-	239.088.574
QSD 8.436,20 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	2.090.492.222	-	-	2.090.492.222
Phần mềm máy tính	-	350.263.800	-	350.263.800
Cộng	2.471.554.760	350.263.800	-	2.821.818.560
Giá trị hao mòn lũy kế				
QSD 600 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	-	-	-	-
QSD 1.429,90 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	-	-	-	-
QSD 8.436,20 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	274.631.516	56.499.792	-	331.131.308
Phần mềm máy tính	-	-	-	-
Cộng	274.631.516	56.499.792	-	331.131.308
Giá trị còn lại				
QSD 600 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	141.973.964			141.973.964
QSD 1.429,90 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	239.088.574			239.088.574
QSD 8.436,20 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	1.815.860.706			1.759.360.914
Phần mềm máy tính	-			350.263.800
Cộng	2.196.923.244			2.490.687.252

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua sắm tài sản cố định	5.449.380.284	1.481.935.388
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.177.312	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	73.807.728	133.474.271
Cộng	5.536.365.324	1.615.409.659

9. Bất động sản đầu tư (Quyền sử dụng đất)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị khoản đầu tư đầu kỳ	289.436.597	260.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	16.510.501	29.436.597
Giá trị khoản đầu tư cuối kỳ	305.947.098	289.436.597

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần TESTCO	KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	260.000.000	20,00%	20,00%	Kiểm định, thử nghiệm chất lượng công trình

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng tài sản	1.590.949.143	1.410.147.419
Tổng nợ phải trả	61.213.653	(107.911.078)
Tài sản thuần	1.529.735.490	1.518.058.497
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	305.947.098	303.611.699
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	1.266.594.500	983.353.869
Lợi nhuận thuần	229.735.490	218.058.497
Lợi nhuận thuần của Công ty trong công ty liên kết	45.947.098	43.611.699
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.436.597	14.175.102
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	16.510.501	29.436.597

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ như sau:

	Các khoản chi phí trích trước	Khấu hao và phân bổ tài sản dài hạn	Lãi chưa thực hiện khi hợp nhất	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	5.441.140.595	346.248.826	714.033.602	6.501.423.023
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	931.661.774	172.695.890	(672.628.994)	431.728.670
Ghi vào vốn chủ sở hữu	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Các khoản chi phí trích trước	Khấu hao và phân bổ tài sản dài hạn	Lãi chưa thực hiện khi hợp nhất	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	6.372.802.369	518.944.716	41.404.608	6.933.151.693
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(479.733.969)	180.928.492	138.541.458	(160.264.019)
Ghi vào vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	5.893.068.400	699.873.208	179.946.066	6.772.887.674

12. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ bảo lãnh thi công công trình	-	2.067.766.955
Ký quỹ khai thác khoáng sản	619.019.388	-
Cộng	619.019.388	2.067.766.955

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	42.767.336.083	46.571.543.546
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh An Giang	-	2.240.000.000
Vay cá nhân	-	3.360.000.000
Cộng	42.767.336.083	52.171.543.546

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức sau:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 23/08/2013:
- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn;
- + Lãi suất: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Thời hạn vay: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/HĐ ngày 23/08/2013; Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 04/2012/HĐ ngày 23/08/2012, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 24/08/2013; Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 03/2013/HĐ ngày 24/08/2013; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng.
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 10.905.666.115 đồng.**
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 14/03/2013:
- + Hạn mức tín dụng tối đa: 10.000.000.000 đồng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công sửa chữa thiết bị cơ khí;
- + Lãi suất: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Thời hạn vay: theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;
- + Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2013 ngày 10/06/2013 - tài sản thế chấp theo giá trị định giá của ngân hàng là 2.150.877.273 đồng theo Biên bản định giá ngày 22/10/2012 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2013/HĐ ngày 10/06/2013 - thế chấp Quyền sử dụng đất thuê tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P.9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang;
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 3.183.155.458 đồng.**
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 02/04/2013:
- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thi công các công trình;
- + Lãi suất: theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;
- + Thời hạn rút vốn của Hợp đồng: 01 năm (hạn chót là 02/04/2014);
- + Thời hạn vay: theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;
- + Tài sản đảm bảo: 'Thế chấp toàn bộ tài sản của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/HĐ ngày 02/04/2013.
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 28.678.514.510 đồng.**

14. Người mua trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng ứng trước tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.583.311.500	12.187.161.500
Khách hàng ứng trước vốn thi công công trình, mua bê tông và vật liệu xây dựng	25.533.180.630	17.093.487.004
Cộng	27.116.492.130	29.280.648.504

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT phải nộp	5.959.306.588	8.752.568.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.842.011.284	1.229.288.777
Thuế thu nhập cá nhân	35.299.119	100.693.353
Thuế tài nguyên	12.999.998	11.227.275
Thuế, phí và các khoản khác	330.726.514	334.726.514
Cộng	8.180.343.503	10.428.504.541

16. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
KDC Long Thanh Hưng	-	13.195.678.631
KDC Mỹ Thạnh Hưng	946.170.332	-
Kinh phí nghiệm thu công trình Bình Lợi	509.090.909	509.090.909

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí ước tính KDC Trương Định giai đoạn 2	33.900.916.133	33.458.625.902
Kinh phí nghiệm thu công trình Cống Sơn Đốc 2	684.552.037	-
Kinh phí nghiệm thu khu neo đậu tránh trú bão	133.244.385	-
Lãi vay phải trả	60.930.187	148.811.671
Chi phí phải trả khác	3.319.247.734	416.254.263
Cộng	39.554.151.717	47.728.461.376
17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp	1.900.423.465	1.900.423.465
Hoán đổi nền đất dự án Khu dân cư đường Trương Định nối dài	258.999.998	258.999.998
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	-
Công ty Cổ phần Testco	13.186.591	-
Lãi góp vốn KDC đường Trương Định nối dài	249.580.837	-
Phải trả về Cổ phần hóa	172.790.020	157.107.047
Kinh phí công đoàn	97.975.163	223.801.362
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	115.690.505	46.282.059
Thuế thu nhập cá nhân	5.467.802	-
Tiền tàu xe, tiền ăn giữa ca	56.416.000	-
Thù lao HĐQT & BKS	-	21.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	70.000.000	80.000.000
Các khoản phải trả khác	1.636.187.544	3.670.699.665
Cộng	5.061.497.099	6.358.313.596
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn (Dự phòng bảo hành công trình)		
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.648.865.445	2.922.857.293
Trích lập dự phòng trong năm	1.552.335.563	634.110.935
Hoàn nhập dự phòng	(504.280.891)	(453.213.125)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(1.271.464.258)	(454.889.658)
Số dư cuối năm	2.425.455.859	2.648.865.445
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	3.420.475.280	5.885.348.018
Tăng trong năm	1.638.178.335	1.894.317.300
Giảm trong năm	(2.455.544.344)	(4.359.190.038)
Số dư cuối năm	2.603.109.271	3.420.475.280

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	17.656.401.903 (*)	34.756.241.443
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	1.140.200.000
Cộng	17.656.401.903	35.896.441.443

(*) Bao gồm các khoản vay tại các ngân hàng theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng Trung hạn số 01/2010/HĐ ngày 08/02/2010:
 - + Hạn mức vay: 8.330.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Vay để thực hiện Dự án “Đầu tư dây chuyền trạm sản xuất bê tông tươi khu vực Gò Công”;
 - + Thời hạn vay: 60 tháng;
 - + Lãi suất: Lãi suất vay kỳ đầu là 12%/năm. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần;
 - + Hình thức bảo đảm: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2010/HĐ ngày 24/08/2010;
 - + **Số dư tại ngày 31/12/2013 là 1.003.896.000 đồng, trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 799.200.000 đồng.**
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐ ngày 04/01/2010 và Phụ lục số 01/2010/PLHĐ ngày 15/03/2010:
 - + Hạn mức vay: 1.100.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thực hiện “Dự án đầu tư mua máy đào gàu 0.9m³ và máy ủi công suất 90HP”;
 - + Thời hạn vay: 60 tháng;
 - + Lãi suất: áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần;
 - + Tài sản đảm bảo: theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2010/HĐ ngày 04/01/2010, tổng giá trị tài sản thế chấp được dự toán là 1.584.000.000 đồng;
 - + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 275.000.000 đồng, trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 220.000.000 đồng.**
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng Trung hạn số 02/2010/HĐ ngày 28/04/2010:
 - + Hạn mức vay: 12.600.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Vay để thực hiện Dự án “Xưởng sản xuất cọc ván dự ứng lực”;
 - + Thời hạn vay: 60 tháng;
 - + Lãi suất: Lãi suất vay kỳ đầu là 14,5%/năm. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần;
 - + Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 03/2010/HĐ ngày 28/04/2010. Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2010/HĐ ngày 24/08/2010;
 - + **Số dư tại ngày 31/12/2013 là 1.395.741.878 đồng, trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 929.120.000 đồng.**
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 03/2010/HĐ ngày 10/12/2010:
 - + Hạn mức vay: 273.000.000 đồng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- + Mục đích vay: mua 02 bộ cần xe đào bánh xích hiệu Komatsu;
- + Thời hạn vay: 60 tháng;
- + Lãi suất: áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần;
- + Tài sản đảm bảo: thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 04/2010/HĐ ngày 10/12/2010;
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 109.200.000 đồng, trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 54.600.000 đồng.**
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 06/2012/HĐ ngày 23/08/2012:
- + Hạn mức vay: 6.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Vay để thực hiện Dự án “Cải tạo nhà máy bê tông”;
- + Thời hạn vay: 60 tháng;
- + Lãi suất: Lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần;
- + Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2012/HĐ ngày 23/08/2012; Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 04/2012/HĐ ngày 23/08/2012, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 24/08/2013; Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 05/2012/HĐ ngày 23/08/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 07/2012/HĐ ngày 23/08/2012;
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 1.770.556.000 đồng, trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 1.260.000.000 đồng.**
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng Trung hạn số 05/2009/HĐ ngày 07/09/2009:
- + Hạn mức vay: 11.700.000.000 đồng;
- + Thời hạn vay: 60 tháng;
- + Mục đích vay: Vay để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng chuyên trạm bê tông tươi công suất 120m³/h;
- + Lãi suất: Lãi suất vay kỳ đầu là 10,5%/năm. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần;
- + Hình thức bảo đảm: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2010/HĐ ngày 24/08/2010;
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 1.620.168.810 đồng, trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 1.620.168.810.**
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 29/08/2012:
- + Tổng số tiền cho vay: 828.545.200 đồng;
- + Mục đích vay: Mua máy cắt thép và máy chấn tole;
- + Thời hạn vay: 60 tháng;
- + Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm;
- + Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2012/HĐ ngày 29/08/2012;
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 245.600.000 đồng, trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 174.400.000 đồng.**
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013:
- + Tổng số tiền cho vay: 840.000.000 đồng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- + Mục đích vay: Mua máy đào Kobelco;
- + Thời hạn vay: 60 tháng;
- + Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm;
- + Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 11/04/2013. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐ ngày 11/04/2013;
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 743.000.000 đồng, trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 168.000.000 đồng.**
 - Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013:
- + Tổng số tiền cho vay: 560.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Mua máy chần tole Komatsu;
- + Thời hạn vay: 60 tháng;
- + Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm;
- + Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 11/04/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2013/HĐ ngày 10/06/2013. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐ ngày 11/04/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2013/HĐ ngày 10/06/2013;
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 504.000.000 đồng, trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 112.000.000 đồng.**
 - Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TD.1079.10/HĐTD ngày 09/03/2011 và phụ lục Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số TD.1079.10/PLHĐTD ngày 22/02/2012:
- + Tổng số tiền cho vay: 31.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn bồi thường, hỗ trợ dự án Khu dân cư đường Trương Định nổi dài;
- + Thời hạn vay: 36 tháng;
- + Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm;
- + Khoản tín dụng được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1079.10.02/HĐTC ngày 01/04/2013: Giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu phố 3, phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích 5.969,4 m² có trị giá 8.500.000.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 01/10/2013;
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 5.224.000.000 đồng, trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 5.224.000.000 đồng.**
 - Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ ngày 29/11/2013:
- + Tổng số tiền cho vay: 2.300.000.000 đồng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- + Mục đích vay: Vay để thực hiện dự án đầu tư “Kè nhà máy bê tông TICCO”;
- + Thời hạn vay: 36 tháng;
- + Lãi suất: lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần;
- + Hình thức bảo đảm: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/HĐ ngày 24/08/2013; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2012/HĐ ngày 23/08/2012, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 24/08/2013; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2013/HĐ ngày 24/08/2013; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng;
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 1.575.239.215 đồng, trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 627.000.000 đồng.**
- Khoản vay của bà Trương Huỳnh Ngọc Anh theo Hợp đồng huy động vốn số 14/HĐGV.2013 ngày 01/11/2013;
- + Số tiền vay: 2.990.000.000 đồng;
- + Thời hạn vay: từ ngày 01/11/2013 đến 31/03/2015;
- + Lãi suất: 0,667%/tháng;
- + Hình thức bảo đảm: tín chấp;
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 2.990.000.000 đồng.**
- Khoản vay của bà Trương Huỳnh Ngọc Anh theo Hợp đồng huy động vốn số 15/HĐGV.2013 ngày 01/12/2013;
- + Số tiền vay: 200.000.000 đồng;
- + Thời hạn vay: từ ngày 01/12/2013 đến 31/03/2015;
- + Lãi suất: 0,667%/tháng;
- + Hình thức bảo đảm: tín chấp;
- + **Số dư tại ngày 31/12/2013: 200.000.000 đồng.**

21. Vốn chủ sở hữu

21.1. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2012	80.000.000.000	10.700.000.000	32.093.180.538	5.428.761.580	20.307.537.295
Lợi nhuận tăng năm	-	-	-	-	18.604.951.582
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	5.000.000.000	947.158.650	-
Giảm trong năm	-	-	27.280.000	-	19.058.900.950
Số dư tại ngày 31/12/2012	80.000.000.000	10.700.000.000	37.065.900.538	6.375.920.230	19.853.587.927

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2013	80.000.000.000	10.700.000.000	37.065.900.538	6.375.920.230	19.853.587.927
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	13.481.608.460
Tăng khác trong kỳ	-	-	55.569.234	16.798.384	105.921.762
Trích lập quỹ	-	-	4.000.000.000	819.089.167	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	18.457.267.502
Số dư tại ngày 31/12/2013	80.000.000.000	10.700.000.000	41.121.469.772	7.211.807.781	14.983.850.647

21.2. Phân phối lợi nhuận

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/NQ.ĐHĐCD ngày 23 tháng 04 năm 2013, cụ thể như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển	4.000.000.000
Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	819.089.167
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%)	1.638.178.335
Chia cổ tức (15%)	12.000.000.000
Cộng	18.457.267.502

21.3. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 80.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

21.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

21.5. Cổ tức

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 15%.

21.6. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCOCO An Giang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn cổ phần	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	15.084.100.000	15.084.100.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	4.915.900.000	4.915.900.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	24,58%	24,58%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng tài sản	28.644.259.341	33.555.255.396
Tổng nợ phải trả	7.182.656.077	12.115.588.691
Tài sản thuần	21.461.603.264	21.439.666.705

Chi tiết như sau:

Vốn cổ phần	20.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	526.947.363	526.947.363
Quỹ dự phòng tài chính	159.294.328	159.294.328
Lợi nhuận chưa phân phối	775.361.573	753.425.328

Lợi ích của cổ đông thiểu số

Chi tiết như sau:

Vốn của cổ đông thiểu số	4.915.900.000	4.915.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	129.521.027	185.090.261
Quỹ dự phòng tài chính	39.153.749	55.952.133
Lợi nhuận chưa phân phối	333.884.262	246.173.987
Lợi ích cổ đông thiểu số tại công ty con	-	-

LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	5.418.459.038	5.403.116.381
-------------------------------------	----------------------	----------------------

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	21.936.559
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	5.391.897
Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lãi chưa thực hiện của Công ty con	143.304.264
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	148.696.161

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	432.628.696.073	489.478.104.300
Doanh thu thi công công trình	116.610.172.656	101.823.513.014
Doanh thu bán bê tông thương phẩm và sản phẩm bê tông đúc sẵn	236.393.441.022	240.847.885.880

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	6.980.480.094	1.927.821.495
Doanh thu kinh doanh bất động sản	31.811.455.415	129.430.482.991
Doanh thu khai thác cát đen bán lẻ	1.091.250.000	1.056.014.547
Doanh thu gia công, sửa chữa	39.347.488.420	14.199.474.642
Doanh thu cung cấp dịch vụ	178.077.945	128.442.322
Doanh thu khác	216.330.521	64.469.409
Các khoản giảm trừ doanh thu	383.055.274	664.127.323
Giảm giá hàng bán	268.783.270	242.081.868
Hàng bán bị trả lại	114.272.004	422.045.455
Doanh thu thuần	432.245.640.799	488.813.976.977
Doanh thu thuần thi công công trình	116.343.586.658	101.587.131.146
Doanh thu thuần bán bê tông thương phẩm và sản phẩm bê tông đúc sẵn	236.393.059.927	240.847.885.880
Doanh thu thuần bán vật liệu xây dựng	6.866.589.185	1.843.276.040
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	31.811.455.415	129.092.982.991
Doanh thu thuần khai thác cát đen bán lẻ	1.091.250.000	1.056.014.547
Doanh thu thuần gia công, sửa chữa	39.345.291.148	14.193.774.642
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	178.077.945	128.442.322
Doanh thu thuần khác	216.330.521	64.469.409
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thi công công trình	123.305.253.306	94.169.796.906
Giá vốn bê tông thành phẩm	186.579.721.644	175.550.512.232
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	3.989.602.935	7.826.345.708
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.661.303.906	101.195.910.888
Giá vốn khai thác cát đen bán lẻ	660.063.466	703.399.030
Giá vốn gia công, sửa chữa	33.207.812.957	8.764.866.255
Giá vốn khác	35.317.788	78.434.735
Cộng	351.439.076.002	388.289.265.754
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.246.354.219	971.239.215
Lãi tiền bảo hành công trình	9.567.857	-
Cổ tức được chia từ công ty liên kết	34.416.602	14.175.102
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	849.126	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.214.240	9.600.570
Cộng	1.296.402.044	995.014.887

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.717.471.049	11.440.360.691
Chi phí tài chính khác	238.495.181	-
Cộng	6.955.966.230	11.440.360.691

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.042.039.903	5.939.010.727
Chi phí vật liệu, dụng cụ đồ dùng	12.036.242.793	11.821.026.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.992.253.778	2.823.092.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.644.201.014	7.214.708.329
Chi phí bằng tiền khác	4.378.477.460	10.013.031.598
Cộng	33.093.214.948	37.810.869.389

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	15.244.397.439	14.466.311.324
Chi phí vật liệu quản lý	704.105.010	1.216.176.351
Chi phí đồ dùng văn phòng	697.614.428	741.775.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định	954.784.771	1.080.112.013
Thuế, phí và lệ phí	847.435.439	527.544.320
Chi phí dự phòng	2.981.833.164	7.882.730.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	925.120.373	1.030.829.799
Chi phí bằng tiền khác	5.927.875.460	6.011.271.805
Cộng	28.283.166.084	32.956.752.584

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ xử lý công nợ	2.311.557.217	25.534
Thu nhập từ thanh lý tài sản	976.445.454	4.720.445.272
Hoàn nhận chi phí bảo hành công trình	595.051.605	453.213.125
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	16.363.636	4.500.000
Hoàn nhận chi phí khuyến mãi trích trước	-	1.212.940.600
Thu phạt hợp đồng kinh tế	-	730.761.198
Hỗ trợ thi công	2.675.242.909	436.053.894
Chuyển nhượng đầu	247.677.273	1.075.895.409
Thu nhập khác	362.415.887	68.920.256
Cộng	7.184.753.981	8.702.755.288

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và phân bổ tài sản không hoạt động	1.076.764.475	312.195.814
Chi phí thanh lý tài sản cố định	118.360.688	1.913.514.825
Chi phí xử lý các dự án đã ngừng thi công	2.484.643.908	867.036.588
Tiền phạt	320.620.218	103.719.606
Chi phí khác	361.533.994	279.049.742
Cộng	4.361.923.283	3.475.516.575

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế hoãn lại phát sinh khi hợp nhất từ các khoản lãi chưa thực hiện cuối kỳ	(138.541.458)	(25.398.071)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(3.181.729.391)	(1.104.357.664)
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	3.480.534.868	698.027.065
Cộng	160.264.019	(431.728.670)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	13.481.608.460	18.604.951.582
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	13.481.608.460	18.604.951.582
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.685	2.326

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	375.261.502.353	325.994.499.437
Chi phí nhân công	73.334.849.449	56.041.681.489
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.065.990.907	18.682.022.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.148.249.869	24.711.964.046
Chi phí bằng tiền khác	26.130.710.110	33.758.410.970
Cộng	516.941.302.688	459.188.578.941

12. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.7.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.186.787.314	41.045.436.515
Phải thu khách hàng thuần	108.699.362.550	107.209.950.958
Phải thu khác	3.023.276.691	3.088.611.746
Ký quỹ, ký cược	619.019.388	2.157.766.955
Cộng	140.528.445.943	153.501.766.174
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	42.767.336.083	52.171.543.546
Phải trả người bán	50.783.605.387	45.674.526.922
Chi phí phải trả	39.554.151.717	47.728.461.376
Phải trả khác	3.323.783.474	3.223.245.412
Vay và nợ dài hạn	17.656.401.903	35.896.441.443
Cộng	154.085.278.564	184.694.218.699

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2013 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Loại ngoại tệ	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	8.869.033	8.502.000	-	-
Euro (EUR)	98.615.764	92.575.923	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không chịu các rủi ro liên quan đến sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày 31/12/2013	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Cộng</u>
Vay và nợ ngắn hạn	42.767.336.083	-	42.767.336.083
Phải trả người bán	50.783.605.387	-	50.783.605.387
Chi phí phải trả	39.554.151.717	-	39.554.151.717
Phải trả khác	3.323.783.474	-	3.323.783.474
Vay và nợ dài hạn	11.188.488.810	6.467.913.093	17.656.401.903
Cộng	<u>147.617.365.471</u>	<u>6.467.913.093</u>	<u>154.085.278.564</u>

Tại ngày 01/01/2013	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Cộng</u>
Vay và nợ ngắn hạn	52.171.543.546	-	52.171.543.546
Phải trả người bán	45.674.526.922	-	45.674.526.922
Chi phí phải trả	47.728.461.376	-	47.728.461.376
Phải trả khác	3.223.245.412	-	3.223.245.412
Vay và nợ dài hạn	25.685.508.755	10.210.932.688	35.896.441.443
Cộng	<u>174.483.286.011</u>	<u>10.210.932.688</u>	<u>184.694.218.699</u>

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2013	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Cộng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.186.787.314	-	28.186.787.314
Phải thu khách hàng thuần	108.699.362.550	-	108.699.362.550
Phải thu khác	3.023.276.691	-	3.023.276.691
Ký quỹ, ký cược	-	619.019.388	619.019.388
Cộng	<u>139.909.426.555</u>	<u>619.019.388</u>	<u>140.528.445.943</u>

Tại ngày 01/01/2013	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Cộng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.045.436.515	-	41.045.436.515
Phải thu khách hàng thuần	107.209.950.958	-	107.209.950.958
Phải thu khác	3.088.611.746	-	3.088.611.746
Ký quỹ, ký cược	90.000.000	2.067.766.955	2.157.766.955
Cộng	<u>151.433.999.219</u>	<u>2.067.766.955</u>	<u>153.501.766.174</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 03/03/2014, theo đó Vốn điều lệ tăng từ 80 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Ngày 20/02/2014, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM đã có quyết định số 49/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (mã CK: THG) được thay đổi niêm yết, có hiệu lực từ ngày 24/02/2014 với tổng giá trị niêm yết từ 80 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng sau khi thay đổi niêm yết (theo mệnh giá). Đây là số cổ phiếu phát hành để thưởng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23/04/2013 và theo Thông báo số 917/2013/TB-SGDHCM ngày 31/10/2013 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM.

Tiền Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN